



Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư

Tiểu sử Đức Cao Thượng Phẩm HT. Trần Văn Rạng

ĐỨC CAO THƯỢNG PHẨM

- Chương I:** Một người đức hạnh (trang 2)
Chương II: Ngộ đạo và đặc phong
Thượng Phẩm (trang 4)
Chương III: Xây dựng nền tảng Đạo (trang 29)
Chương IV: Mùa pháp nạn (trang 34)
Chương V: Đặc vị Kim Tiên (trang 42)

Chương I MỘT NGƯỜI ĐỨC HẠNH (1887-1924)

Miền sông dài núi thẳm Tây Ninh được Đại Nam Nhất Thống Chí ghi là: Tứ tân phù khánh, giang thủy đặc chung, một miền rất thuận cho đạo pháp và có mẫu nhiệm phát sinh.

Vào mùa thu năm Mậu Tý (1887) một chơn linh do khí thiêng chung đức giáng phàm. Đó là Cao Quỳnh Cư hạ trần vào năm Đồng Khánh thứ hai, bên nhánh sông Vàm Cỏ Đông, chảy về làng Hiệp Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Ngài là con ông Cao Quỳnh Tuân và bà Trịnh Thị Huệ (đặc phong Giáo sư, một cấp chức sắc của Cao Đài giáo, năm 1927). Cụ ông là Cai Tổng Hàm Ninh Thượng (qui vị trước khi Ngài Cao Quỳnh Cư ngộ đạo). Nhờ đó, Ngài thọ bẩm khí chất của thân sinh nên tính tình điềm đạm, nho phong, “nổi dòng trâm anh, vốn nhà thi lễ, phẩm hạnh mực thước, tính chất siêng năng, học hỏi thông minh, thành danh khi tuổi trẻ. Lúc ở thế xử tròn nhân đạo” (Theo bia kỷ niệm Đức Cao Sĩ Thượng Phẩm). Bởi lẽ, Ngài đối xử rất khoan hòa tử tế với các bạn đồng sở, việc nào có thể giúp được là giúp ngay, không câu nệ, rất mực thương yêu bằng hữu, không khinh thường ai. Dù có một người nào làm phật lòng Ngài hoặc sai lệch ý kiến của Ngài, Ngài từ tốn giải bày hoặc cười nhẹ nếu thấy không cần sửa được.

Vào năm 1907, Ngài thành lập gia đình với bà Nguyễn Thị Hiếu (thọ phong Giáo Sư năm 1927, thăng lên Đầu Sư năm 1968, chức sắc cao nhất bên Nữ phái và qui vị ngày 3-6-1971. Nếu phải kể Đầu Sư chánh vị lúc còn sanh tiền thì bà là người thứ nhất, vì bà Đầu Sư Lâm Hương Thanh lúc qui vị rồi mới được Đức Chí Tôn ân tứ, còn bà Hương Lự chỉ là Đầu Sư hàm phong). Hai năm sau khi lập gia đình bà sanh được 1 người con trai là Cao Quỳnh An. Cậu An khi trưởng thành du học tại Pháp, nhưng chưa thành danh thì qua đời.

Năm 1915, Ngài vào làm thư ký Sở Hỏa Xa Sài Gòn và đưa gia đình xuống ngụ ở 134 Bourdais (nay là Calmette, Sài Gòn). Đời công chức xuôi dòng trên 10 năm lên đến ngạch cò mi, được triều đình Huế ban cho huy chương Kim Tiên đệ tam hạng (sapèque d'honneur) năm 1925, thì ngộ đạo, rồi có ý định bỏ sở làm. Các bạn đồng sở

thấy Ngài chưa tới tuổi hưu trí, nếu đi hành đạo lấy tiền đâu để chi dụng, mới khuyên Ngài:

-Thầy tư, sao thầy quá tin dị đoan, con còn đang học bên Pháp, mà Thầy đi như vậy thì việc học của con phải dở dang sao ?

Đã quá suy tư giữa hai con đường đời và đạo phải chọn một. Kiếp phù sinh có bao nhiêu, tạo tiền tài danh vọng thì phải bất chánh, càng chồng chất thêm tội lỗi, lúc chung qui vẫn trắng tay. Ngược lại đường đạo an ủi vỗ về tinh thần con người thơ thối khỏi bon chen trục danh cầu lợi, lại là cơ cứu khổ siêu độ cho toàn thể nhân loại : hơn là quanh quẩn với đầu óc hẹp hòi chỉ nghĩ đến tư lợi cho cá nhân và gia đình. Tất nhiên Ngài chọn con đường vĩnh cửu, loại bỏ cái hào nhoáng nhất thời của thế sự, thế nên Ngài lẳng lặng không đáp, chỉ nghe theo tiếng gọi của thiêng liêng, dù một mai bị khảo đảo ngàn nào cũng không thối thân lui bước.

Chương II NGỘ ĐẠO VÀ ĐẮC PHONG THƯỢNG PHẨM (1925-1926)

Năm Ất Sửu (1925) là năm việc xây bàn hay “sai ma” rất thịnh hành trong các giới tại miền Nam Việt Nam, nhất là tại Thủ Đô Sài Gòn.

Trước hết, vì sự háo kỳ mà ba ông bạn chí sĩ Cao Quỳnh Cư (sau đắc phong Thượng Phẩm), Phạm Công Tắc (sau đắc phong Hộ Pháp) và Cao Hoài Sang (sau đắc phong Thượng Sanh) mới nghĩ ra việc xây bàn để tiếp chuyện

với những người khuất mặt, thế giới bên kia. (Theo Đạo Sử cơ bút của Trương Hiến Pháp).

Do đó, vào ngày 25/7/1925 (ngày 5/6/Ất Sửu) hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến nhà Ngài Cao Hoài Sang bên cạnh chợ Thái Bình (phố hàng dừa Sài Gòn) để thăm viếng và hàn huyên tình đời thế sự. Càng lúc càng khuya, vì thần linh thúc giục, các Ngài mới nghĩ đến việc xây bàn. Ba Ngài đem ra trước hiên nhà một cái bàn vuông bốn chân (bàn này hiện để tại Nữ Đầu Sư Đường) kê cho 1 chân hồng đất rồi đồng để tay lên bàn khẩn vái. Lúc sơ khởi gặp nhiều khó khăn, ba vị đốt nhang khẩn nguyện từ 21 giờ tối đến 2 giờ đêm, có nhiều vong linh nhập bàn viết tiếng Anh, Pháp và Hoa ngữ, cũng có một vong linh học sinh Hà Nội viết tiếng quốc ngữ. Cái bàn gõ khi chững chạc, khi lựng khựng, dường như có nhiều vong linh tranh nhau để nói chuyện. Do đó, các Ngài nản lòng ngưng xây bàn.

Việc xây bàn thật vất vả vì chỉ có khẩu ước với các Đấng vô hình trong văn quốc ngữ. Như nhịp 1 cái là “A”, hai cái là “Ă” và ba cái là “Â” ... Khi chân bàn ngừng lại chỗ nào thì người ngồi biên chữ ấy (người ngồi ngoài lúc bấy giờ là bà Nguyễn Thị Hiếu) rồi nhiều chữ ghép lại thành 1 tiếng, nhiều tiếng mới ghép lại thành lời văn hay câu thơ. Nhưng về sau nhờ thuần điển và quen việc nên sự tiếp chuyện với các Đấng Thiêng liêng càng mau lẹ và dễ dàng.

Qua đêm thứ nhì (26-7-1925), ba Ngài lại xây bàn, đúng 24 giờ có một vong linh nhập bàn, nhập bàn ráp thành bài thi bát cú Đường luật.

THI

Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước đặng người.
Tổng mền lời khuyên bền mộ chếp
Tình thương căn dặn gắng tâm đời
Bên màn đôi lúc trêu hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen đặng thảnh thơi.
Xót nỗi vợ hiền còn lụm cụm,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.

Ký tên **CAO QUỲNH TUÂN**
(Thiên đình)

Cụ Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của Ngài Cao Quỳnh Cư qua đời đã 25 năm, Ngài đọc tới câu thứ 7 quá ngậm ngùi, nên thưa:

Thưa Thầy, ngày mai con xin nấu mâm cơm cúng, con kính thỉnh Thầy về chứng lòng thảo của con.

Vong linh của cụ Tuân liền chuyển cái bàn gỗ hai cái, tỏ ý nhận lời.

Đến đêm 30/7/1925 (10-6-Ất Sửu), ba Ngài lại họp nhau tại nhà Ngài Cao Hoài Sang mở cuộc xây bàn. Hôm ấy có 1 nữ vong linh giáng bàn cho thi :

THI

Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai
Mạng bạc còn xuân uống sắc tài.
Những ngở trao duyên vào ngọc các,
Nào dè phủ nợ xuống tuyền đài.
Dưỡng sinh cam lỗi tình sông núi,
Tơ tóc thôi rồi nghĩa trúc mai.
Đồn dập tương tư quần một gánh,
Nỗi mình tâm sự tỏ cùng ai ?

Ký tên **ĐOÀN NGỌC QUẾ**

Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi :

-Hồi tại thế xứ ở đâu ?

-Ở chợ Lớn.

Ngài Phạm Công Tắc hỏi :

-Cô học ở đâu ?

-Học trường Đầm.

Tên Đoàn Ngọc Quế chỉ là tên mượn (tá danh) tên thật của cô là Vương Thị Lễ, cháu ông Vương Quan Kỳ (theo Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống). Nhưng tâm nguyên còn nhiều bí hiểm hơn nữa.

Theo lời của Đức Hộ Pháp thuật lại thì tiền kiếp của cô Quế là một vị công chúa con một vị vua. Trong triều có một vị quan thâm yêu cô nhưng thấp hèn, vì lẽ môn đăng hộ đối không được ngồi phò mã nên cô thất tình sầu muộn mà chết.

Đến kiếp này, cô đầu thai vào gia đình Tổng Đốc Phương là bên ngoại của cô. Đến tuổi cập kê cô lâm bệnh trầm kha, chạy đủ thầy đủ thuốc mà không hết bệnh. Thân mẫu cô mới nói, ai cứu được cô thì bà gả cô cho.

Lúc bấy giờ một ông thầy thuốc Tây học ở Hà Nội (Médecin Indochinois) chữa vợ mới bỏ đến Sài gòn. Gia đình cô rước đến chữa bệnh cho cô. Thoạt nhiên, cô mạnh. Nên biết vị lương y này là ông quan trẻ tuổi thâm yêu cô trước kia vì tiền duyên mà hai người cùng đi đầu kiếp để nên nghĩa đá vàng.

Nào ngờ, thân mẫu cô quên lời hứa cũ, chỉ trả tiền cho người thầy thuốc rồi thôi. Còn cô giữ dạ keo sơn âm thầm nhớ thương vị lương y mà “phủ nợ xuống tuyền đài”.

Ba người đều có họa bài thi trên, riêng bài của Ngài Cao Quỳnh Cư như vậy:

HỌA VẬN

Rằng liễu khóc oanh có mấy ai,
Mộ người quốc sách lẫn thiên tài.
Nhìn văn độ phẩm hàng khuê các
Xót bạn tri âm cõi dạ đài.
Ngàn dặm hoa trôi sâu cụm trước.
Một mồ cỏ loáng ủ nhành mai.
Cửu tuyên hồn Quế linh xin chứng
Rằng liễu khóc oanh có mấy ai.

Cũng đêm đó, Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi cô bệnh chi mà chết, cô đáp bằng hai bài thi như vậy:

THI

Trời già đành đoạn nợ ba sinh
Bèo nước chia hai một gánh tình
Mấy bữa nhăn mày lăm chước quỉ
Khiến ôm mối thắm tại Diêm Đình.
Người thời Ngọc mà với Kim đàn
Quên kẻ dạ đài nỗi thảm mang
Mình dặn lấy mình, mình lại biết
Mặc ai chung hưởng phận cao sang.

Nhờ tìm được mộ cô Vương Thị Lễ nên ba Ngài càng tin¹. Hôm sau Ngài Cao Quỳnh Cư mời hai Ngài Phạm Công Tắc và Cao Hoài Sang qua tư gia mình để xây bàn, mời cô Đoàn Ngọc Quế về dạy làm thi. Nhân tiện

1- Chỉ có mộ cô Lễ chứ không có mộ cô Quế vì Đoàn Ngọc Quế là tên mượn.

ba Ngài hỏi cô Quế về Thượng giới, cô tiết lộ đôi điều khiến các Ngài thêm mê học hỏi. Rồi cô gọi Ngài Cao Quỳnh Cư là anh cả, Ngài Phạm Công Tắc là Nhị ca, Cao Hoài Sang là Tam ca, còn cô là Tứ muội.

Đến ngày 3/8/1925 (15/7/Ất Sửu) thiết đàn xây bàn, các Ngài được cô Đoàn Ngọc Quế báo tin có một Đấng đến tiếp xúc.

THI

Ớt cay cay ớt gặm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.
Túng lú đi chơi nên tấp lại
Ăn bòn chẳng chịu tấp theo ai.

A-Ă-Â

Ngài Phạm Công Tắc nghe dứt bài thơ lấy làm khó chịu. Ngài Cư hiểu ý liền nói với Ngài Phạm Công Tắc rằng:
- Ấy, em ngồi lại cho qua hỏi, vị này không phải tầm thường đâu em.

Ngài Cao Quỳnh Cư liền hỏi :

-Ông A-Ă-Â mấy chục tuổi ?

Đấng A-Ă-Â gõ bàn hoài không ngừng, đếm đến mấy trăm cái mà cũng không thôi. Ngài Cao Quỳnh Cư sợ không dám hỏi nữa. Ngài Phạm Công Tắc hỏi ông ở đâu, thì được cho bài thi:

THI

Trời trội một mình không mới thiệt bần,
Một nhành sen trắng náo nường chân.
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt,
Đỡ gót nhờ con hạc trắng ngần,
Bố hóa người đời gây mối đạo

Gia ân đồ đệ dựng nền nhân
Chứng nào đất dẫy trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần.

Đến 18/8/1925 (1/8/Ất Sửu), cô Đoàn Ngọc Quế giảng bàn, các Ngài hỏi rằng:

-Em còn có chị em nào nữa biết làm thi, xin cầu khẩn đến dạy ba anh em qua làm thi.

Cô Đoàn Ngọc Quế nhíp bàn trả lời :

-Có chị Hồn Liên Bạch, Lục Nương, Nhứt Nương làm thi hay lắm. và cô lại thêm:

-Ba anh muốn cầu thì ngày đó ba anh phải ăn chay, mới cầu được.

Ba Ngài lãnh ý cô Đoàn Ngọc Quế , ngày cầu ba ông ăn chay.

Đến ngày 25/8/1925 (8/8/Ất Sửu), Đấng A-Ă-Â giảng dạy ba ông, vào rằm tháng 8 đó thiết tiệc chay thỉnh Đức Diêu Trì Kim Mẫu và chư vị Cửu Nương đến dự. Đến 14 âm lịch thì Đức Nhân Âm Đạo Trưởng giảng cho thơ mời các Ngài họa.

THI

Rừng tòng ngày tháng thú quen chùng
Nhường mắt dòm coi thế chuyển luân
Rượu cúc một bầu trăng gió hứng
Non sông đạo khắp lối đem xuân.

Ông Cao Xuân Lộc liền giảng họa nguyên vận :

Sống thác từ xưa đã có chùng,
Nơi trần mẫn tính trọn như luân

Đò đưa phút chịu vùi ba tấc,
Tay trắng phủ rồi một tuổi xuân.

Bài của Ngài Cao Quỳnh Cư họa như vậy :

Cõi thọ là đâu khó độ chùng
Ăn tàng lợi lạc bậc kinh luân,
Buổi già ước đặng đem thân gởi,
Biển Thánh rán dò lúc tuổi xuân.

Đến ngày 15/8/Ất Sửu (1/9/1925) tại nhà Ngài ở số 134 Bourdais (nay là Calmette, Sài gòn), giữa nhà lập bàn hương án, chưng các hoa thơm và xông trầm trọn ngày. các Ngài mặc quốc phục quì trước bàn hương án cầu nguyện xin các Đấng Tiên Nương đến dự tiệc, lễ bái xong các Ngài ngồi vào bàn tiệc. Bà Nguyễn Thị Hiếu (tức bà Cao Quỳnh Cư) gấp đồ ăn để vào chén cho chín vị và trên bàn thờ Đức Phật Mẫu. Đó là thể pháp tượng trưng cho bí pháp của Đạo Cao Đài, mà hằng năm về sau đến ngày tháng này Tòa Thánh Tây Ninh đều tổ chức lễ Hội Yến Diêu Trì Cung.

Sau đó các Ngài xây bàn, Đấng A-Ă-Â giảng cho bài thi rồi đến Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương mỗi vị đều giảng cho thêm 1 bài ² và mời ba Ngài làm thi liên ngâm.

Lục Nương:

Trót đã mang cái nợ đời.
Gánh đời nặng lắm khách trần ơi.

Cao Quỳnh Cư:

 Oằn vai thần đạo non sông vác,

2-Xem Đại Đạo Sử Cương quyển I trang 35.

Chịu kiếp trần ai gió bụi vùi.

Phạm Công Tắc:

Thương hải tang điền xem lắm lúc
Công danh phú quý nhắm trò chơi

Cao Hoài Sang :

Ở đời mới hẳn rằng đời khó,
Khó một đôi năm dễ khó đời.

Lục Nương :

Ở thế sao chê tiếng thế buồn
Buồn vui hai lẽ lấy chi đong ?

Cao Quỳnh Cư :

Cân đai tuế nguyệt trên hồn bướm,
Tên tuổi phong ba lắm bụi hồng.

Phạm Công Tắc:

Chiếc bách đập dồn dòng bích thủy
Phồn hoa mờ một giấc quỳnh lương

Cao Hoài Sang:

Bờ đương chừ đặt phong trần rảnh
Quả gánh thơ đòn đạo bốn phương.

Nhờ tình thân mật đó Lục Nương cho ba vị biết cô Đoàn Ngọc Quế là Thất Nương Diêu Trì Cung.

Đêm 14/9/1925 (29/8/Ất Sửu), khi xây bàn, Đấng A-Ă-Â giáng, ba vị hỏi sao lâu quá không đến. Ngài đáp rằng vì tiết lộ thiên cơ cho ba vị nên bị Ngọc Hư bắt tội. Ba Ngài phải lập hương án giữa trời để chịu tội thay cho Đấng

A-Ă-Â. Ngài Cao Thượng Phẩm có làm bài thi đọc trước hương án như vậy:

Vái van xin quý Cửu Thiên Nương,
Tâu với Ngọc Hư rõ ngọn nguồn
Vì nghĩa A-A mang trọng tội,
Nghĩ tình đồng đạo để tình thương.

Đến ngày rằm năm đó Đấng A-Ă-Â giáng cho một bài thi

THI

Một tòa thiên các ngọc lâu lâu
Liên bắc cầu qua nhấp nhóa sao.
Vạn trượng then cài ngăn Bắc Đẩu
Muôn trùng nhíp khảm hiệp Nam Tào
Chư Thần chóa mắt màu thường đổi
Liệt Thánh kinh tâm phép vẫn cao
Dời đổi chớp giăng doanh đờ nổi.
Vững bền vạn kiếp chẳng hề xao.

Việc xây bàn của các Ngài lan rộng trong quần chúng kẻ hiểu kỳ đến xem cho biết, người không tin muốn thử coi chân giả. Một phật tử hỏi Đấng A-Ă-Â làm thế nào để phân biệt thiệt giả. Đấng A-Ă-Â nhíp bàn cho thi:

Chi lan mọc lẫn cỏ hoa thường,
Chẳng để mũi gân chẳng biết hương
Hiền ngô rủ sinh thời bạo ngược
Dầu trong Thánh đức cũng ra thường.

Người Phật tử ấy hỏi tiếp:

“Làm sao biết được chánh tà?”. Đấng A-Ă-Â đáp :

Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà,
Chánh tà hai lẽ đoán sao ra

Sao Tiên Phật người trần tục
Trần tục muốn thành phải đến ta.

Cũng hôm ấy (14/11/1925) ông Nguyễn Trung Hậu (Sau
đắc phong Bảo Pháp) đến tìm hiểu hư thực, được Đấng
A-Ă-Â giảng cho thi :

THẦN văn chất ĐỨC tài cao,
Tên tuổi làng thơ đã đứng vào
Non nước muốn nêu danh tuấn kiệt,
Gặp thời búa Việt, giục cờ Mao.

Ông Trương Hữu Đức (sau đắc phong Hiên Pháp) cho
các bạn thơ cố ý giả ngộ chơi. Thế nên về nhà đem bàn
ra một mình đặt tay lên, miệng vái các chơn hồn ứng
hiện. Tức khắc có vong linh của linh huynh ông giảng
cho hai vị thuốc trị ông lành bệnh. Rồi có vị Minh Nghĩa
Tiên Ông giảng cho thi:

THI

Minh đức mừng nay đã gặp Thầy,
Chẳng còn ao ước cái không hay.
Mừng câu Âu Á càng thêm mặt,
Mừng cậu côn đồ đã chịu chay.

Từ đó ông Đức hết sức tin tưởng và ăn chay trường luôn.
Còn ông Hậu vì điểm danh đúng bút hiệu nên xin làm đệ
tử Đấng A-Ă-Â.

Đến ngày 12-12 năm đó (27/10/Ất Sửu), Đức Diêu Trì
Kim Mẫu giảng dạy :

“Mùng 1 tháng 11 này tam vị đạo hữu VỌNG THIÊN
CẦU ĐẠO”

Bà thăng rồi, ba Ngài hội ý vẫn không hiểu cầu đạo là
thế nào. Thế nên hôm ba Ngài mới cầu Thất Nương hỏi.

-Thất Nương dạy dùm cầu đạo là gì ?

Thất Nương đáp :

-Không phải phận sự của em, xin hỏi ông A-Ă-Â giảng
dạy.

“Ngày 1/11 này (16/12/25) tam vị phải VỌNG THIÊN
CẦU ĐẠO.

Tắm gội cho tinh khiết, ra quì giữa trời cầm chín cây
nhang mà vái rằng: Ba tôi là

-Cao Quỳnh Cư

-Phạm Công Tắc

-Cao Hoài Sang

Vọng bái Cao Đài Ngọc Đế, ban ơn đủ phúc lành cho ba
tôi cải tà qui chánh.

Tịnh tâm quỳ đến tàn hết chín cây nhang mới vào, rồi
đến nhà (ông) Tý mượn đại ngọc cơ, học cách dùng để
Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng.

Thế là việc xây bàn đến đây chấm dứt và việc cầu cơ
bắt đầu để khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, nghĩa là
thời khai nguyên dẫn dắt vào đường Đạo đã cáo chung.

Khi ba Ngài Vọng Thiên cầu đạo, ngoài đường kẻ qua
người lại dập dìu, nào xe cộ lượn qua, nào người người đi
coi hát về, họ hiểu kỳ DỪNG CHÂN LẠI COI BA Ngài
cúng vái ai mà quì ngoài sân. Bỗng đâu có thi sĩ Bồng
Dinh (tức Giáo Sĩ) đến vịn cái bàn chõ ba Ngài quì mà
ngâm thi. Mọi người càng đến coi đông hơn. Nhưng các
Ngài cũng tâm nguyện, chờ cho 9 cây nhang tàn mới vào

nhà, đoạn thiết đàn cầu cơ:

Đấng Cao Đài giáng viết :

Ngọc Hoàng Thượng Đế viết Cao Đài Tiên Ông Đại
Bồ Tát Ma Ha Tát giáo Đạo Nam Phương.

THI

Thiên đàng nhứt thế biến lôi âm
Tận độ nhơn sanh thoát tục phàm,
Chánh giáo phát khai thiên thế mỹ,
Thâu hồi hiệp nhứt đạo tam kỳ.

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Các Ngài không thông suốt được bài thi nên thỉnh Đấng
A-Ă-Ă xin giải nghĩa, được giải như vậy : Ngọc Hoàng
Thượng Đế là Trời, viết là dạy rằng : Cao Đài chỉ Nho
giáo, Tiên ông chỉ Đạo giáo, Đại Bồ Tát Ma Ha Tát chỉ
Thích giáo, giáo đạo Nam Phương là dạy Đạo ở phương
Nam. Nghĩa là Trời giáng trần qui Tam giáo Nho Thích
Đạo dạy Đạo ở phương Nam”.

Vì có nhiều vị chưa vững đức tin đêm mồng 8/11/Ất Sửu
(23/12/1925), Lục Nương giáng giải đáp thắc mắc cho
các Ngài. Sở dĩ chỉ có Thất Nương, Lục Nương và Bát
Nương thường giáng đàn là vì các Tiên Nương khác có
nhiệm vụ riêng (1). Sau đó Huệ Mạng Trường Phan (thầy
tu núi Bà Đen) giáng :

1/- Trước ước cùng nhau sẽ hiệp vầy
Nào dè có đặng buổi hôm nay
Gìn lòng tu niệm cho bền chí
Đông đảo ngày mai đặng hiệp vầy.

2/- Tây Ninh tu luyện động Linh Sơn

Chẳng quản mùi trần thiết với hơn,
Trăm đấng ngàn cay đành một kiếp,
Công hầu vương bá dăm đầu hơn.

-Xin chư vị gắng tu, thấp thỏi như tôi nhờ trọn tin Trời
Phật, còn được ân thưởng Huệ mạng Kim Tiên, hưởng
hồ chơn linh cao trọng như quý vị, nếu chịu tu ngày sau
phẩm vị còn cao đến bậc nào.

Lời báo tin mai của Huệ Mạng làm, cho các ông nửa
mừng nửa sợ, nên đêm sau thiết đàn để thỉnh Đấng A-Ă-
Ă về giáng dạy. Lục Nương giáng đàn báo phải chỉnh
đàn nghiêm để rước Đấng Cao Đài Thượng Đế.

THI

Muôn kiếp có ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân thiên
Đạo mẫu rười khắp nơi trần thế
Ngàn tuổi muôn tên giữa trọn biên.

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

“Đêm nay, 24 Décembre phải vui mừng vì là ngày Ta
xuống trần dạy Đạo bên Thái Tây (Europe).

“Ta rất vui lòng mà độ đệ tử kính mến ta như vậy. Nhà
này (nhà ông Cư) sẽ đầy ơn ta, giờ ngày gần đến đơi lịnh
Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính Ta hơn nữa”.³

Nên biết thuở đầu việc xây bàn cầu cơ phần lớn thiết
lập ở nhà Ngài Cao Quỳnh Cư. Vì thế, khi đi làm việc
về, Ngài Phạm Công Tắc thường ghé luôn ở đây ăn cơm
xong rồi cầu cơ thỉnh Tiên. Các Ngài muốn mau biết
việc Thượng giới nên đi làm việc chỉ mong mau tới để
về thiết đàn.

3-Xem “Công đức Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Nữ Phật”

Cũng đêm ấy, Đức Lý Thái Bạch giảng đàn cho thi:

Đường trào hạ thế hưởng ma quan,
Chẳng vị công danh chỉ hưởng nhàn.
Chén rượu trăm thi đời vẫn nhắc
Non tiên vạn kiếp thế chưa tàn.
Một bầu nhứt nguyệt say ngơ ngáo,
Đầy túi thơ văn đổ chứa chan
Bồng đảo còn mơ khi múa bút,
Tả lòng thế sự vẽ giang san.

THÁI BẠCH TIÊN TRƯỞNG

Đêm 31/12/1925 (15/11/Ất Sửu) Đấng A-Ă-Â giảng:

Ba con thương Thầy lắm hả ?

Con thấy đặng sự hạ mình của A-Ă-Â như thế nào chưa?
Con thấy thấu đáo cái quyền năng của Thầy chưa?
Người quyền thế lớn nhất như vậy có thể hạ mình bằng A-Ă-Â chẳng ?

A-Ă-Â là Thầy, Thầy đến các con thế ấy, con thương Thầy không ?

Sự nhỏ nhẹ của Thất Nương đó, con bằng mấy múng gì chưa? Học hỏi sự nhỏ nhẹ ấy.

Sự cao kỳ của Lục Nương, con có đặng mấy múng gì chưa ? Học sự cao kỳ ấy.

Sự nhân đức của Thất Nương, con có chút đỉnh gì chưa ? Phải học sự nhân đức của Thất Nương.

Tình nghĩa yêu mến của các con có bằng Bát Nương không ? Phải học.

Phải học tình nhân ái, trung tín cứu giúp của Cửu Thiên Nương (tức Đức Phật Mẫu) ba con có đặng như vậy chẳng

Phải học gương.

Sự kính nhường của ba con bằng Cửu Nương chẳng? Phải học.

Hạ ngươn tận diệt, Thầy sai Thần Thánh, Tiên Phật và chính mình Thầy, vì thương chúng sanh cũng hạ mình đến với các con, mượn việc xây bàn đũa giỡn với các con, để các con vui mà học Đạo, hầu khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt chúng sanh”.

Tuyên ngữ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đến nay mới được khải chúng. Năm 1920, Đấng Thượng Đế đến dạy Đạo ông Ngô Văn Chiêu ở Phú Quốc chỉ xưng là Cao Đài Ngọc Đế. Nhưng các Ngài lúc bấy giờ chưa rõ mối Đạo lớn thế nào và giáo lý ra sao hay lấy giáo lý các tôn giáo đã có.

Thế nên, đêm 2/1/1926 (13/11/Ất Sửu) Đấng Cao Đài Thượng Đế giảng dạy:

“Cư, Tắc hai con đừng lấy làm việc chơi nghe. Thầy dặn hai con một điều : nhứt nhứt phải đợi lệnh Thầy, chẳng nên lấy tư riêng mà phán đoán nghe.

Phận sự hai con, trách nhiệm hai con Thầy đã định trước, song ngày giờ chưa đến, phải tuân lời Thầy nghe. Từ đây Thầy khởi sự dạy Đạo”.

Ngày 2/1/1926 là ngày lịch sử trong khoảng đời tâm linh của Ngài Phạm Công Tắc và Cao Quỳnh Cư, vì từ đây Đức Chí Tôn mới thực sự dạy Đạo cho Ngài. Vì vậy các Ngài gặp điều gì khó khăn thì triệu thỉnh các Đấng Thiêng liêng. Đêm mồng 4 tháng đó, Đức Chí Tôn giảng cơ quả rằng:

“Thầy đã nói A-Ă-Â là Thầy, còn cung Diêu Trì là cung

Điều Trì, các Thánh đều có quả. Ấy là những Đấng Thầy sai đến dạy dỗ mấy con, đừng triệu thường vì mỗi vị đều có phận sự riêng.

Chư Tiên và chư Thánh đều có quả, song đừng triệu về mà chơi, kỳ dư có điều gì học hỏi”.

Đến ngày 9/1/1926 (25/11/Ất Sửu), Đấng Thượng Đế giáng cơ dạy các Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc đến đường Quai Testard (Chợ Lớn) độ ông Lê Văn Trung, Ngài Phạm Công Tắc có vẻ không bằng lòng vì : “Buổi nọ ông Lê Văn Trung làm Thượng Nghị Viện Hội Đồng Thượng Nghị viện đời Pháp lớn lắm. Ông là người Nam làm đến bậc đó thôi. Ông là người quá sức đời, tôi và Đức Cao Thượng Phẩm (tức ông Cao Quỳnh Cư) không hạp chút nào. Tôi ký hơn hết, nhứt định không làm điều đó được. Một ông quan trong thời mất nước không thể tả hết.

“Khi chúng tôi ôm cái cơ đến nhà Ngài đặng Đức Chí Tôn độ. Mục đích của chúng tôi là Đức Chí Tôn bảo đâu làm đó vậy thôi. Khi vô tới nhà thú thật Ngài rằng : “Chúng tôi được lệnh Đức Chí Tôn đến nhà anh Phò loan cho Đức Chí Tôn dạy Đạo”. Ông biết Đấng đó hơn chúng tôi ⁴. Lo sắp đặt bàn ghế, sửa soạn buổi phò loan, rồi bắt ông nhập môn.

“Trong nhà có 1 người con nuôi tên là Thạnh còn nhỏ độ 12 tuổi, hai cha con kiếm được cơ đâu không biết, vái rồi cầu cơ. Khi phò loan thẳng nhỏ ngũ, ông thì thức.

4- Vì vào 15/5/Ất Sửu (6/6/1927), tại Chợ Gạo (Chợ Lớn) có thiết đàn thỉnh Tiên, ông Nguyễn Hữu Đắc cố đưa ông Lê Văn Trung đến hầu đàn nhiều lần. Khi ông Trung ngộ Đạo thì Chợ gạo bị bế. Nghĩa là dù ai có cầu các Đấng vẫn không giáng.

Cơ chạy hoài ông hỏi thi Đức Chí Tôn trả lời, chỉ có hai người biết với nhau mà thôi. Từ đó ông mới tin có Đức Chí Tôn”. (Theo bài thuyết Đạo đêm Giáp Ngọ của Đức Phạm Hộ Pháp)

Dù đã theo học Đạo với Thầy Trời, nhưng tấm lòng thương dân yêu nước vẫn chưa nguôi. Khi chánh quyền Pháp đàn áp các phần tử ái quốc, dòng máu cách mạng của Ngài lại bùng sôi. Bà Thất Nương giáng cơ đêm 27/1/1926 (13/12/Ất Sửu) khuyên:

“Em xin quý anh coi lại đời là thế nào ? Bông phù dung sớm còn tối mất còn hơn kiếp con người. Vì dù nó sống ngắn ngủi dường ấy, nhưng mà lúc sống còn có cái sắc, chớ đời người sanh ra chỉ để khổ mà thôi, dù sống trăm tuổi chưa 1 điều đắc chí, rồi chết. Cái đời này đúng là 1 khổ hải.

“Em xin quý anh coi sự trường sanh của mình làm trọng, người không có phải kiếm, mình có sẵn nở bỏ đi. Em tiếc dùm đó thôi.

“Đã vào đường chánh, cứ do đó, theo đó bước tới hoài thì trở về cựu vị đặng”.

Từ lúc chấm dứt việc xây bàn thay vào phò cơ thì hai Ngài Cao Quỳnh Cư và Phạm Công Tắc làm đồng tử, nên tất cả những bài từ trước của các Đấng giáng cho đều do cặp nguyên thủy này viết ra. Vì vậy, Ngài Cao Hoài Sang thấy mình hơi thừa, rồi lần lần ít chịu đi hầu đàn. Các Ngài mới xin với Đấng Cao Đài để lời dạy bảo. Đấng Cao Đài Thượng Đế giáng rằng :

“ Nó thật thà, vả lại nó còn mang xác phàm. Ai dưới thế này đặng trọn vẹn, các con chỉ cho Thầy coi?”

Các Ngài đã thọ làm môn đệ Đấng Cao Đài đã lâu nhưng chưa thờ vì chưa biết cách thức thờ thế nào, nên mới xin cách dạy để thờ, thì Đấng Cao Đài Thượng đế dạy “Đến Chiêu xem cách thức nó thờ Thầy, bảo nó hiệp một với các con”.

Vâng lệnh Đấng Cao Đài, các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc đến nhà ông Ngô văn Chiêu ở số 110 đường Bonard (nay là Lê Lợi, Sài Gòn) để quan sát cách thờ. Ông Ngô Văn Chiêu thờ Thầy rất kỹ, tận trên cao và ngay chính giữa nhà, thật kín đáo. Có ai đến chơi nhà, không chỉ khó mà biết được vì ông là người rất dè dặt không phải là bạn tu thì không bao giờ chỉ dẫn”.

Vào năm 1921 lúc làm chủ quận Phú Quốc, một buổi sáng lối 8 giờ tối, Đức Chí tôn đã hiện con mắt (Thiên nhãn) nhiều lần và buộc ông phải thờ. Năm 1924, ông đổi về Sài Gòn thì cũng tiếp tục thờ Thầy (Thiên nhãn) và tự đơn như trước. Kịp đến khi Đức Chí Tôn chuyển cơ phổ độ cho nhóm Ngài Phạm Công Tắc thì các Ngài đến đây để quan sát cách thờ phượng về tuyên bá trong đạo hữu.

Vì nhà Ngài Lê Văn Trung rộng rãi, ngày 15/12/1Ất Sửu, Ngài thượng Thánh tượng Thiên Nhân có mời các ông Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc, Cao Hoài Sang, Nguyễn Trung Hậu, Vương Quan Kỳ, Đoàn Văn Bản, Nguyễn Văn Hoài, Trương Hữu Đức, Võ Văn Sang, Lê Văn Giảng, Lý Trọng Quý, Lê Thế Vĩnh ... Đấng Cao Đài giáng cơ dạy:

-Thầy vui thấy các con thuận hòa cùng nhau. Thầy muốn các con như vậy hoài. Ấy là lễ hiến cho Thầy rất trang trọng.

Chẳng quản đồng tông mới một nhà
Cùng nhau một Đạo tức một cha
Nghĩa nhân đàn hình gởi thân trăm tuổi
Dạy lẫn cho nhau một chữ hòa.

CAO ĐÀI TIÊN ÔNG

Đêm 30/12/Ất Sửu (12/2/1926) quan phủ Ngô văn Chiêu đi với hai Ngài Cư, Tắc đến nhà một vị đang mừng xuân. Đến nhà ai thì cặp cơ Cư -Tắc phò loan, trước hết là nhà ông phán Võ Văn Sang, sau cùng là Ngài Lê Văn Trung. Mỗi người đều được một bài tứ tuyệt mà bài của Ngài Cao Quỳnh Cư như vậy:

Sấp út thương hơn cũng thế thương
Cái yêu cái dạy ấy là thương
Thương không nghiêm trị là thương đối
Đối dạ vì chưng yếu dạ thương.

Khuya mồng 1 Tết, Đấng Cao Đài giáng dạy : “Hôm nay là ngày trọng đại Thầy chính thức khai Đại Đạo tam Kỳ Phổ Độ cứu vớt 92 ức nguyên nhân đang bị đọa trầm luân:

Phụng gáy non Nam Đạo trở mời
Trở mời nhân vật bốn phương trời,
Trời Âu, biển Á chờ thay sắc,
Sắc trắng mây lành phủ khắp nơi.

CAO ĐÀI THƯỢNG ĐẾ

Đó là ngày Khai Đạo Cao Đài về cơ Phổ hóa.

Qua đến mồng 9/1 nhằm vía Đức Chí Tôn, ông Vương Quan Kỳ thiết đàn tại nhà riêng ở số 80 đường Lagrandière (nay là đường Gia Long). Đức Thượng Đế giáng cơ:

Bửu tòa thơ thới trở thêm hoa,

Mấy nhánh rồi sau cũng một nhà.
Chung hiệp rán vun nền đạo đức
Bền lòng son sắc đến cùng ta.

Quan phủ Ngô Văn Chiêu xin Đức Thượng Đế lấy tên
mấy người đệ tử mà cho bài thi. Đức Thượng Đế thuận
cho:

CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành.
HẬU ĐỨC TẮC CỬ thiên địa cảnh,
Quờn Minh Mân đảo thủ đài danh.

12 chữ lớn trong ba câu đầu là tên của 13 vị môn đệ đầu
tiên, vì hai ông Cao Hoài Sang và Võ Văn Sang điểm
chung một tên.

Tùy theo Đạo nhưng các ông còn ngỡ ngàng trước cách
lễ bái, đạo phục, nhất là cách thờ Thiên Nhân. Ngày
12/1/Bính Dần (24/2/1926), Đấng Cao Đài giảng dạy:

“Thập Nhị khai thiên là Thầy, chúa tể cả càn khôn thế
giái, nắm trọn Thập nhị Thời thần trong tay. Số 12 là số
riêng của Thầy.

“Chưa phải hồi con biết đặt tại sao phải vẽ Thiên Nhân
mà thờ Thầy. Song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh:

Nhân thị chủ tâm,
Lưỡng quan chủ tể
Quang thị thân
Thần thị thiên
Thiên giả ngã giả

“Thần là khiếm khuyết của cơ mầu nhiệm từ ngày Đạo
bị bế. Lập Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ này, Thầy cho Thần
hiệp tinh khí đặng hiệp đủ tam bửu là cơ mầu nhiệm siêu

phàm nhập Thánh”.

Lần lần khách bàng quang hiểu được chủ đích của Cao
Đài giáo là qui Tam giáo, hiệp Ngũ chi, người ta trích
điểm lập chi Đạo mới cho thêm khó khăn phiền toái.
Đức Cao Đài giảng dạy;

“Vốn từ trước Thầy lập Ngũ chi Đại Đạo là : Nhơn Đạo,
Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo. Tùy theo
phong hóa của nhơn loại mà gây chánh giáo, là trước càn
vô đắc khán khôn vô đắc duyệt, thì nhơn loại chỉ có hành
Đạo nơi tư phương mình mà thôi.

“Còn nay thì nhơn loại đã hợp đồng, càn khôn dĩ tận thức
thì lại bị phần nhiều Đạo, mà nhơn loại bị nghịch lẫn
nhau nên Thầy mới nhứt định qui nguyên phục nhứt. Lạ
nữa, Thầy giao Thánh giáo cho tay phàm, càng ngày lại
càng xa Thánh giáo mà lập ra phàm giáo”.

Ông Vương Quan Kỳ bạch :

-Bạch Thầy, anh cả (ông Ngô Văn Chiêu) bảo Thầy giao
cho ảnh làm chủ mối Đạo dạy dỗ chư môn đệ, mà ảnh
không chịu tiếp xúc với chúng con, thì làm sao?

“ Chẳng ai dưới thế này được phép nói thế quyền Thầy
mà trị phần hồn nhơn loại được.

Ai có hạnh lớn mới mong được Thầy ban thưởng ngôi
vị. Chiêu có công tu, lại là môn đệ trước tiên của Thầy.
Thầy định ban chức Giáo tông cho nó, nhưng nó không
giữ lời nguyện với Thầy lại sợ tà quyền mà xua đuổi
môn đệ của Thầy, chẳng còn xứng đáng làm anh cả của
các con”.

Các Ngài Lê Văn Trung, Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc
... và chư môn đệ đồng qui xuống xin tội cho Ngô Văn

Chiêu.

Đến ngày 25/4/1926 (15/3/Bính Dần) thì thiết lễ Thiên phong tại nhà Ngài Lê Văn Trung ở Chợ Lớn, Thầy dạy:

“Cư nghe dặn : con bảo Tắc tắm rửa sạch sẽ, xông trầm hương cho nó, biểu nó lựa một bộ đồ tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường, đội nón, cười ...

“Đáng lẽ nó phải sấm khôi giáp giống như hát bội mà mắc nó nghèo nên Thầy không bảo. Bắt nó lên đứng trên ngó mặt vô ngay ngôi Giáo Tông, lấy 9 tác vãi đều đập mặt nó lại, biểu Đức Hậu đứng gần, kéo nó xuất hồn té tội nghiệp.

“Lịch, con viết một lá bùa Giác Ma xử cho Tắc cầm. Hai con mặc đồ thường, chừng nào Thầy triệu Ngũ lôi và Hộ Pháp về rồi. Thầy biểu mặc Thiên phục vô mới mặc, thế mới đặng”.

Hôm ấy, có các vị được thọ phong là Ngài Phạm Công Tắc thọ phong Hộ Pháp, Ngài Cao Quỳnh Cư thọ phong Thượng Phẩm, Ngài Lê Văn Trung thọ phong Đầu Sư Thượng Trung Nhứt, Ngài Lê Văn Lịch thọ phong Đầu Sư Ngọc Lịch Nguyệt.

Các vị sau đây được phong vị để phò cơ :

Đức, Hậu phong Tiên Đạo phò cơ Đạo sĩ

Cư phong Tá cơ Tiên hạc Đạo sĩ

Tắc phong Hộ giá Tiên đồng Tá Cơ Đạo sĩ.

“Hai ông Thượng Phẩm và Hộ Pháp hợp thành một cặp đồng tử chấp Cơ Phong Thánh, truyền giáo, lập Pháp chánh truyền và Tân luật, tức là Hiến chương của nền Đạo hiện giờ.

“ Chúng ta phải nhìn nhận đầu công của hai ông này vào

bực nhứt. Trước hết và trên hết, Đức Chí tôn mượn tay và thần lực của hai ông mà lập thành Đại Đạo cho đến ngày nay. Nếu không có bàn tay xây dựng của hai ông thì:

-Đâu có Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

-Đâu có chức sắc Thiên phong nam nữ

-Đâu có Hội Thánh và các cơ quan trong Đạo

-Đâu có Pháp chánh truyền và Tân luật

-Đâu có đại nghiệp hiện giờ cho nhân sanh thừa hưởng”
(theo Đạo sử cơ bút của Trương Hiến Pháp).

Ngoài cặp cơ Cư - Tắc còn có cặp cơ : Sang - Diêu, Hậu - Đức, Nghĩa - Tràng, Tươi - Chương, Kim - Đãi, Mai - Nguyên, Mạnh - Phước, Thân - Vĩnh.

Cầu cơ là phò loan gồm có hai vị đồng tử, ngồi hai bên cái giỏ cơ, tay cầm vào miệng cơ. Một lát sau điển các Đấng giáng rồi Ngọc cơ tự động mà viết ra. Chính vì đó, người ta có thể nhờ người bên trái hay bên phải viết ra. Thế nên, cơ bút có thiệt mà cũng có giả. Người trong cuộc mới hiểu rõ được việc đó.

Dưới đây là danh tánh các Đấng giáng cơ giúp việc khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, từ năm Ất Sửu đến khi Ngài Thượng Phẩm được đắc phong.

1/- Xuất Bộ Tinh Quang,

2/- A-Ấ-Ấ,

3/- Cửu Vị Tiên Nương,

4/- Cửu Thiên Huyền Nữ,

5/- Thiên Hậu,

6/- Liên Huệ Tiên,

7/- Đại Tiến Sĩ Tải Trương Vĩnh Ký,

8/- Nhàn Âm Đạo Trưởng,

- 9/- Quan Thánh Đế Quân,
- 10/- Thần Sơn Quan Diệu Võ Tiên Ông,
- 11/- Đổ Mục Tiên,
- 12/- Minh Nguyệt Tiên ông,
- 13/- Bách Nhân Đại Tiên,
- 14/- Thánh Pierre,
- 15/- Huệ Mạng Trường Phan,
- 16/- Tả quân Lê Văn Duyệt,
- 17/- Quý, Cao,
- 18/- Thổ Địa Tài Thần,
- 19/- Lý Thái Bạch,
- 20/- Ông Môn,
- 21/- Cao Xuân Lộc,
- 22/- Cao Quỳnh Tuân,
- 23/- Cao Hoài Ân.

Vì có nhiều cặp cơ, hơn nữa Đàn Cầu Kho không cung ứng cho hoàn cảnh, nên có thêm 5 đàn nữa là Chợ Lớn, Tân Kim (Cần Giuộc), Lộc Giang, Thủ Đức và Tân Định mà cặp cơ Cư - Tắc phò loan ở đây. Chính đàn này đã thấu được ông Lê Thiện Phước (sau đức phong Bảo Thế).

Để việc phổ độ chúng sanh khỏi bị ngăn trở, các Ngài Cao Quỳnh Cư, Phạm Công Tắc ... tất cả 28 vị đứng tên đưa tờ Khai Tịch Đạo lên Thống Đốc Nam Kỳ là ông Le Fol (nhằm triều Bảo Đại) vào ngày 7/10/1926. vì nằm trong chế độ cai trị của Pháp bấy giờ, Tờ Khai Tịch Đạo coi như thông báo chánh thức rồi hành giáo và truyền giáo chớ không đợi phúc văn của Pháp. Thế nên, không có văn kiện nào trả lời hoặc cho phép về Tờ Khai trên cả.

Nơi tu tịnh của Đức Cao Thượng Phẩm gọi là Thảo Xá Hiền Cung,

rút từ cơ của Bà Thất Nương giáng cho năm 1925, sau khi Ngài bị cơn khảo của Tư Mãt.

Thảo xá tuy như ngu muội bản cùng nghinh nhập thất.

Hiền cung trạch khách thông minh phú quý cấm lai môn.

Nhà này vốn của cụ Cao Quỳnh Tuân (đức vị Xuất Bộ Tinh Quân), thân sinh của Đức Cao Thượng Phẩm. Sau khi dời chùa Từ Lâm Tự về chùa mới thì Đức Cao Thượng Phẩm chọn nơi đây làm Tịnh Thất. Sau đó hiển làm Thánh Thất Châu đạo Tây Ninh. Một phần vẫn dùng làm Thảo Xá Hiền Cung. Đầu năm 1992, vì tu sửa nơi rộng Thánh Thất Thị xã nên Thảo Xá Hiền Cung được tách rời thành một ngôi thờ riêng biệt.

Chương III XÂY DỰNG NỀN TẢNG ĐẠO (1926-1928)

Sau khi lập tờ Khai Tịch Đạo với chánh phủ Pháp, thì việc phổ độ các tỉnh bắt đầu từ tháng chín Bính Dần. Ngài và quý Ngài Lê Văn Trung, Phạm Công Tắc đi phổ độ trong các tỉnh Vĩnh Long, Trà Vinh, Cần Thơ (nay là Phong Dinh), Sóc Trăng, Bạc Liêu (nay là Ba Xuyên), Long Xuyên, Châu Đốc, Hà Tiên, Rạch Giá (nay là Kiên Giang). Nhóm thứ hai truyền đạo các tỉnh Tiền Giang. Nhóm thứ ba các tỉnh miền Đông.

Đêm 14 rạng 15 tháng 10 năm Bính Dần (18/11/1926) là đêm chánh thức khai Đạo Cao Đài tại Gò Kén (Tây Ninh) và lễ khánh thành Thánh Thất Từ Lâm đầu tiên của nền Đại Đạo. Đêm hôm ấy vì quá đông, nên cuộc lễ bớt phần trang nghiêm. Khi cầu cơ Đức Chí Tôn chỉ để ít lời quở trách rồi thăng. Thừa dịp tà quái nhập vào 1 nam

và nữ bốn đạo mà quấy phá. Họ mạo xưng là Tề Thiên Đại Thánh và Quân Âm Bồ Tát.

Vịn vào việc đó, một số đồ đệ của Như Nhân xúi đòi chùa lại. Hội Thánh phải hẹn trong ba tháng (tức đến ngày 15/1/Đinh Mão) sẽ trả chùa lại. Dù vậy, ngay đêm khai Đạo, Thầy vẫn giảng cơ lập tịch đạo nữ phái.

Hương tâm nhứt phiến cận càn khôn
Huệ đức tu chơn độ dẫn hồn.
Nhứt niệm Quan Âm thù bảo mạng,
Thiên niên đặng phái thủ sanh tồn.

Đêm 16/10 (20/11/1926) thì lập Pháp Chánh Truyền (tịch đạo Nam phái cho mồng 9/8/1926 tại Vĩnh Nguyên Tự).

Thanh Đạo tâm khai thất ức niên,
Thọ như địa huyền thanh hòa thiên.
Vô hư qui phục nhơn sanh khí,
Tạo vạn cổ đàn chiếu Phật duyên.

Đạo dưới thời Lý Giáo Tông thì Nam phái lấy chữ Thanh, Nữ lấy chữ Tâm. Khi nào hết tịch đạo thì Đấng Chí Tôn sẽ giảng cơ cho tịch đạo khác. Lớn nhỏ, trước sau nhờ chữ tịch đạo này mà phân biệt.

Vào ngày 2/11/Bính Dần (6/12/1926) Đức Chí Tôn ra lệnh hội chức sắc thành lập Tân luật. Để tiếp cho trọn bộ Pháp Chánh Truyền. Đến ngày 13/2/1927 (12/1/Đinh Mão), Đức Chí Tôn giảng cơ thành lập Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.

Sở dĩ, việc thành lập các cơ chế Đạo có nhiều khoảng trống thời gian vì cặp cơ Cư - Tắc còn bận làm việc tại Sài Gòn, ngày nghỉ cùng nhau lên xe Ngài Lê Văn Trung mới về Gò Kén hành pháp.

Tuy áo hẹn trả chùa mà vẫn chưa tìm được đất mới nên chư vị chức sắc được Đức Lý dạy rằng : “mai này chư hiền hữu lên đường dây thép (tức đường route haute) nhắm địa thế dài theo cho tới ngã ba Ao Hồ (hồi đó chưa có đường vào trường Nữ Trung Học) coi như hiền hữu có thấy đặng chăng ?”

Qua ngày sau quý vị lên xe đi tìm đất, khi chạy tới khoảng cửa số 2 ngày nay, cạnh góc ngã ba có cây vừng, Đức Cao Thượng Phẩm ngó thấy trên cây này có 1 tấm bảng treo đề tên Cao Văn Điện, một người bạn học của Ngài thuở nhỏ. Đức Cao Thượng Phẩm nói với chư vị chức sắc rằng:

-Để tôi đi tìm ông Cao Văn Điện, nhờ chỉ dẫn giùm chủ đất này.

Ông Điện mới cho biết đất này của ông Aspar, Kiểm lâm người Pháp. Đêm hôm ấy chư vị cầu Đức Lý thỉnh giải Đức Lý dạy : “Phải đó tưởng chư hiền hữu không thấy. Lão cắt nghĩa vì sao cuộc đất ấy là Thánh địa, sâu hơn 30 thước như con sông, giữa trung tâm đất giáp lại trùng giữa 6 nguồn, làm như 6 con rồng doanh châu. Nguồn đất ấy trùng ngay đỉnh núi gọi là lục long phò ấn. Ngay miếng đất ấy có 3 đầu: một đầu ra giếng mạch Ao hồ, hai đầu nữa bên cụm rừng bên kia”.

Về khuôn viên Tòa Thánh tạm thì Đức Lý dạy : “Thánh Thất tạm thời phải cất ngay miếng đất trống. Còn Hiệp Thiên Đài phải trước Thánh Thất tạm. Đạo hữu phải khai phá đám rừng, cách miếng đất trống chừng ba thước rưỡi, đóng 1 cây nọc, đo Hiệp Thiên Đài như vậy, ngoài Bàu Cà Na đo vào chừng 50 thước đóng một cây nọc. Ấy là khuôn viên Tòa Thánh”.

Lúc khởi công để phá rừng, người Miên, Tà Mun xuống cả ngàn người làm công quả. Viên Chánh Tham Biện người Pháp nghi ngờ, nên mời Đức Cao Thượng Phẩm ra Tòa bố (tức Tòa hành chánh), hỏi rằng:

-Ông làm cái gì mà đông đảo như vậy ?

Đức Cao Thượng Phẩm trả lời :

-Tôi mua miếng đất đó dựng trồng cao su.

-Trồng mấy mẫu ?

-Tôi trồng hết số đất tôi mua, phá tới đâu tôi trồng tới đó. Vì lúc đó việc trồng cao su đang thịnh hành và là một nguồn lợi lớn cho Pháp, nên họ làm lơ. Các cây cao su còn lại nơi vùng Bá Huê Viên hiện nay là di tích của Đức Ngài.

Đến ngày 20/2 năm đó (23/3/1927) mới thỉnh Thánh Tượng, Chư Phật về đất mới thuộc làng Long Thành. Khó khăn nhất là việc di cốt Phật Tổ cỡi ngựa Càn Trắc. Đức Cao Thượng Phẩm phải tập trung nhiều người để đưa cốt lên chiếc xe bò, kết lại. Viên Chánh Tham Biện cho một toán lính mặc đồ đen núp ngoài mương ruộng chờ có gì khác thường là bắn. Khi rõ thật sự thỉnh cốt Phật thì họ rút lui êm.

Đức Ngài đứng trên xe bò vịn cốt Phật Tổ, khởi hành lúc 18 giờ đến 2 giờ sáng mới đến Thánh Thất tạm. Khi đến khoảng cửa Hòa viện ngày nay, bị một cái mương lớn quá, Đức Ngài phải khó nhọc tìm thế lót ván để xe qua, thì đã mệt lữ, Đức Ngài ném mình xuống đồng lá khô trong rừng mà nghỉ. tất cả chức sắc cũng nằm xuống đó. Bà Nguyễn Thị Hiếu điều động nữ phái khiêng cháo và nước đến cho mọi người ăn để lấy lại sức. Sau đó, cốt Phật Tổ được an vị giữa hai cụm rừng gần cây ba nhánh

(tức chỗ an vị hiện nay).

Đức Ngài tiếp tục xây cất Tòa Thánh tạm, nào Hậu điện, Đông lang, Tây lang, trường học, Trù phòng. Tất cả đều bằng tranh rồi đào giếng nước, tức mấy cái giếng gần Tòa Nội chánh hiện nay.

Biết được chủ đích việc làm của Đức Ngài, Viên Chánh Tham Biện làm khó đủ điều. Họ buộc phải rào xung quanh Tòa Thánh lại, không ai được vào lễ bái. Trong chánh điện chỉ có Lễ sanh Thượng Xường Thanh hành lễ mà thôi. Ai muốn cúng thì phải quỳ ở ngoài mà lạy vô bửu điện. Họ còn làm tình làm tội Đức Ngài, gọi ra Tòa bố ngày một. vì lúc này Đức Ngài đã bỏ sở mà phế thân hành đạo trước nhất. Dù vậy Đức Ngài vẫn một lòng giữ đạo, yêu sanh chúng.

Nhận thấy công phá rừng đau yếu, Đức Ngài cầu nguyện Đức Chí Tôn ký pháp nước âm dương tạo thành cam lồ thủy trị bệnh cho mọi người. Tuy bị ngăn cản không có 1 nơi tôn nghiêm để hành pháp các Thổ nhơn đem ve chai để trên sạp cầu xin nước Thánh. Lạ một điều chỉ có một thứ nước mà trị bá bệnh. Nhờ sự huyền diệu này, tiếng đồn vang xa, các làng xã, nhơn sanh tấp nập kéo tới làm công quả, thỉnh nước Thánh càng đông giúp cho việc phá rừng tạo tổ đình càng được dễ dàng.

Có lẽ vì chuyện này, một số báo Pháp ngữ xuyên tạc là Cao Đài Tây Ninh lấy nước suối ở núi Điện Bà về bán. Rồi người này chuyên miệng người kia “tam sao nhất bốn” đem đến sự khó khăn hành đạo của Đức Ngài về sau.

Chương IV
MÙA PHÁP NẠN
(1928-1929)

Đời hành đạo của Đức Ngài tuy có kham khổ nhọc nhằn vì phải xây dựng nền tảng đầu tiên cho nền Tân Tôn giáo, nhưng cũng được an ủi tinh thần qua nét mặt tươi vui của chư tín hữu nhất là số tín đồ theo đạo ngày càng đông.

Bỗng đâu đất bằng sóng dậy. Vào tháng 3 năm mậu Thìn một nhóm người từ Thủ Đức do ông Tư Mắt tức Nguyễn Phát Trước dẫn dụ về Tòa Thánh đặt điều nước lã khuấy nên hồ. Họ đuổi Đức Ngài ra khỏi Tòa Thánh trong 24 giờ, nếu không đi cột trong rừng mà bắn. Ngài quá uất ức nhưng không thể giải bày cho những người bạo hành rõ được nỗi oan khiên của mình. Đức Ngài quá buồn, kể lo đạo không mấy người, phá đạo lại đông., thật đúng câu “Đạo cao nhưt xích, ma cao nhưt trượng” Đức Ngài ngọa bệnh phải về thảo xá Hiền cung (tức Thánh Thất Tây Ninh ngày nay). Nhớ ngày nào, Đức Ngài nguyện làm con tể vật cho Đức Chí Tôn sai khiến, mà trò đời quá cay nghiệt để lỡ bước đường hành đạo. Đức Ngài thống khổ mà nảy ra bài tự thán như sau:

THI

Công trình gây dựng Thất Tây Ninh,
Bằng địa sóng xao khiến rập rình.
Tà mị phàm rung rinh chất Thánh,
Mùa màng sâu phá hoại hồn kinh.
Xưa Tòa Thánh dập dìu lai vãng,

Nay Bửu đình hiu quạnh lụy nhìn.
Thương Đạo mền Thầy xin sớm liệu,
Cộng tâm chung trí chớ làm thình.

Thông cảm được nỗi oan khiên của Đức Ngài, Đức Cao Thượng Sanh đã họa bài thi trên như vậy:

HỌA VẬN

Dập dìu nào buổi Thất Tây Ninh,
Hiu quạnh hôm nay gió rập rình.
Trước ngõ lơ thơ vài đạo hữu,
Sau hiên meo mốc mấy pho kinh.
Rừng xơ vẻ thắm chim không đở,
Cảnh lợt màu tươi khách biếng nhìn.
Xây dựng là ai, ai phá hoại,
Sụt sùi để bước khó làm thình.

Thất Nương Diêu Trì Cung cũng giáng cho Ngài bài thi để an ủi:

THI

Nghĩ giận mà ra bắt nực cười
Nhờ ai an vị lại an nơi
Trăm năm chưa giữ bền thân sống,
Một kiếp đã gây lấm tội đời,
Phẩm Phật ngôi Tiên an dẫn nẻo,
Ngai Thần vị Thánh kể toan đời,
Nhấn lời nói với phượng đen bạc,
Đến cửa thiêng liêng ngó mặt trời.

Nỗi oan tình đó, không những Diêu Trì Cung rõ thấu mà thi phàm mắt thịt của toàn đạo bấy giờ ai cũng biết. Mọi việc là do bà Nguyễn Thị Hiếu (do bà kể lại lúc sanh tiền). Bà thấy những người công quả bị chói nước, ăn

không tiêu, bà có bổ thuốc tiêu để bán lại cho người làm công quả phá rừng. Những kẻ ganh tị cho bà làm tiền chửi tén hũ.

Việc thứ hai, một buổi sáng trên cầu ván nơi Thảo xá Hiền cung bà để một số hàng bông rau cải, để đem ra chợ bán. Một ít người đi qua thấy không biết cho là hàng bông của chùa.

Việc thứ ba, bà có lấy một số chai nước tương rỗng đem về Thảo xá Hiền cung để đựng nước cho Đức Cao Thượng Phẩm uống vì sợ chói nước (Tây Ninh thuở trước nước rất độc). Người ta cho bà lấy chai còn nước tương.

Ba việc ấy khiến cho kẻ kém vị tha làm đơn thưa lên Hội Thánh. Việc này chưa ngã ngũ thì một vài người đưa tin này về Sài Gòn, thêm dẹt thêm này nọ. Rồi họ kéo lên Thủ Đức xúm lập vi bằng. Trong đó có ông Nguyễn Phát Trước tính nóng nảy, nhứt quyết đưa một số người về Tòa Thánh vấn nạn. Hậu quả của việc bạo hành đó, ông Trước sau khi về Sài Gòn, một thời gian bị đèn Manchon phụt xăng cháy, người ông bị thiêu.

Nguyễn Phát Trước tự Tư Mất mà các tay giang hồ thời bấy giờ quen gọi là anh Tư Đại Ca. khi ông được tin nhà ông Đốc học Đoàn Văn Bản có đàn cơ thỉnh tiên ông đến xem thực giả. Chính Đàn Cầu Kho này đã thấu nhận ông là môn đệ của Đức Cao Đài (1926).

Một hôm ông viết một cái khải (sớ không ai được đọc) vái rồi đốt tại Thánh Thất Cầu Kho (nhà ông Bản). Thành linh có ông Trần Văn Tạ (sau đặc phong Hộ Đàn Pháp Quân) một nhân viên chính quyền bước vào. Ông Tư Mất sợ cơ về trả lời bức mật khải thì ông nguy tính mạng. Vì trong cái khải ấy ông xin giết De la Chevrotière, Thượng

nghe viện đồng thời với ông Lê Văn Trung. Điều lo lắng của ông không xảy ra vì cơ không đáp mà ông Trần Văn Tạ đã là đạo hữu đến hầu đàn chớ không phải với tư cách mật thám.

Tính khí ông ngang tàng, là trùm du đảng vùng Sài Gòn - Chợ Lớn, chính quyền Pháp cũng nể vì ông. Cũng có điều lạ, ông rất sợ Đức Chí Tôn sau khi theo đạo ông lập Thánh Thất Chợ Lớn tại nhà ông, trên lầu thờ Thầy, dưới dùng làm nhà ở và tiếp khách. Đạo hữu đến cúng kiến tại Thánh Thất của ông rất đông, có lẽ họ dựa vào ông để được che chở khỏi bị các tên du đảng bắt nạt hay một lý do huyền nhiệm nào khác. Sau khi khai đạo ở Gò Kén (15-10-Bính Dần) Ông được ân phong Lễ sanh Mắt Mục Thanh (phái Thái). Ông vâng mệnh Ngài Thượng Đâu Sư lập Thánh Thất Trước Lý Minh Đài. Tại đây, quyển “Đại Thừa Chơn Giáo” ra đời (1936), làm nền tảng cơ vô vi gốc từ Cao Đài phổ độ mà ra.

Vì tính khí ngang tàng mà nhiều lần ông đã đề nghị với Ngài Đâu Sư Thượng Trung Nhứt với sự hậu thuẫn của Đạo nổi lên chống Pháp và chiếm phủ Toàn quyền. Vì là một bậc chân tu, Ngài Đâu Sư từ chối. Ông Tư Mất tuyên bố hành động một mình, sẽ giết toàn quyền Alexandre Varenne (1925-1928). Với tính nóng nảy, thiếu kế hoạch và trì chí, rốt cuộc mọi lời tuyên bố của ông đều trôi qua.

Nghe tin đồn Ngài Cao Quỳnh Cư lạm dụng, ông vốn nóng nảy bùng bột vội về Tây Ninh bạo hành. Hậu quả cách đó không lâu Đức Chí Tôn đem ông về. Cái chết của ông thật thê thảm. Lúc bấy giờ ở Chợ Lớn các nhà sang trọng dùng đèn Manchon treo giữa nhà nhưng cái bơm hơi chuyên xuống đất, ông lại nằm gần cái bơm hơi này, quần chần. Không rõ vì lẽ nào, cái bơm phát nổ,

đèn phụt cháy luôn xuống cái bơm bắt lửa qua cháy cái khăn. Hạ bộ của ông bị phỏng nặng hỏa nhập, nên vừa đến bệnh viện thì ông chết (1929).

Ngài Thượng Đầu Sư có đến phúng điếu và chia buồn cùng bà Nguyễn Phát Trước và có nói câu “Thầy đem em Tư về sớm là cái hay cho cơ Đạo”. Ngay đêm hôm đó, đồng tử Trần Văn Hoàng (con ông Trần Văn Tạ) chấp bút. Thái Mục Thanh nhập đàn, tỏ vẻ hối tiếc những việc làm đã qua và ông khuyên gia đình nên tu niệm.

Nhằm tạo một giải pháp danh dự cho Đức Cao Thượng Phẩm, Ngài Đầu Sư Thượng Trung Nhựt đề nghị bỏ thăm kín việc ở lại Tòa Thánh hay về Thảo xá Hiền cung của Đức Cao Thượng Phẩm. Trong 45 chức sắc nam nữ có mặt: 27 thăm chống ở lại, 15 thăm thuận và 3 thăm trắng. Đức Hộ Pháp tuyên bố : “Dù 3 thăm trắng nhập vào 15 thăm thuận vẫn ít hơn 27 thăm chống. Vậy Anh Tư nên về Thảo Xá Hiền Cung”. Chính Đức Hộ Pháp cũng đi an dưỡng nơi Thánh Thất Thủ Đức, đàn cơ 26/2 Mậu Thìn (1928), Đức Chí Tôn giao cho Thượng Đầu Sư chưởng quản Tòa Thánh dần xếp cơ khảo đạo vì Tư Mất là người do Ngài Thượng phổ độ nên rất kính trọng Ngài.

Nỗi oan khiên của Đức Cao Thượng Phẩm được đồng đạo đến thăm và chia sẻ nỗi buồn. Trong số đó có Phôi Sư Thượng Tông Thanh - người Trung Hoa tặng Đức Ngài hai bức khảm xà cừ có chạm bài thơ tứ tuyệt. Trong bài thơ có ba chữ “Độc huyền nghiên” (hoa mai đơn độc) hợp với tâm sự nên Đức Cao Thượng Phẩm cho treo tại Thảo Xá Hiền Cung. Nội dung như sau:

Nguyên văn

Chúng hoa dao lạc độc huyền nghiên,

Chiêm đoán phương tình nội tiểu viên
Sơ ảo hoành tà thiếu thanh đạm
Âm hương phù động nguyệt hoàng hôn.

Dịch thơ

Ngàn hoa rơi, đóa hoa đẹp còn vương
Lặng ngắm vườn con tình ngát hương
Bóng nhạt khế mơn làn nước lạt
Hương thầm khơi nhẹ trăng chiều hôm.

Bài thơ này của Lâm Bô (967-1028) đời Tống, nguyên bản là bài Bát cú. Phối sư Tông chỉ chọn 4 câu đầu có sửa 5 chữ “Chiêm tận phong tình hưởng” và “thanh thiếu” ra “thanh đạm” (xem nguyên bản trang 4)

Một hôm, Đức Ngài cùng Đức Phạm Hộ Pháp phò loan được Đức Chí Tôn dạy:

“Nếu con không rét thì có yếu như vậy đâu. Con ráng nhịn cơm chừng ba bốn bữa nữa đặng Thầy dùng huyền diệu pháp mà trị cho con thiệt mạnh, lần này mới dứt bệnh, miễn đừng ăn món chi nó phạt thì thôi”. (Đức Ngài đau bao tử).

Một đàn cơ đêm kế, Đức Chí Tôn cho biết bệnh của Đức Ngài là cơ thử thách :

“Phải, con có bệnh vậy đặng thử thách của chư Thần, Thánh, Tiên, Phật đương lo lập vị của mỗi đấng.”

Thầy thấy con bệnh phổi và bao tử, nên cho huyền diệu pháp cho con khỏi ăn đôi lúc để thiệt mạnh. Hai cơ khí ấy vốn là hình chất, nên khó lấy huyền diệu mà trị nó theo lẽ thường Thầy buộc ngưng phận sự nó đặng tiếp dưỡng hườn nguyên (Không ăn mà sống). Trong không

khí tuy phàm nhân không thấy đặng. Không khí chứa đầy vật chất tiếp dưỡng (Matières nutritives) của xác trần vì nhờ nó biến hóa chúng sanh đặng.

Vật chất phải tiêu, mà khí pháp vẫn còn, tỷ như đá núi xay ra bột làm ciment mà khí phách đá vẫn còn giữ tánh cứng của nó, trộn nước cho đóng khô lại thì nó hườn như đá thường. Thảo mộc dầu phải chặt rã ra thì khí phách cũng vậy. Con tướng xác chôn rồi, trong xác ấy cho hườn nguyên khí phách mà hiệp lại cùng không khí chẳng?

Các khí con hớp hằng ngày ấy thì như bữa cơm con ăn đó vậy. Thầy chỉ sửa cơ khí phàm các con, như là bao tử cho nó có huyền diệu pháp mà tiếp cho đặng cái khí phách ra làm vật thực nuôi nấng lấy mình. Vì vậy, nhiều đứa phàm xác vẫn còn mà đắc Đạo tại thế, tuyệt cốc xác thân chẳng hại chút nào”.

Bệnh của Đức Ngài là tâm bệnh, từ khi về Thảo xá Hiền cung thân thể ngày càng mòn mỏi, sắc diện âu sầu. “Sự nhận thức có lẽ Ngài bị bệnh thất chí, vì hành đạo không được y theo sở nguyện nên đạo trong buổi sơ khai, lo truyền giáo phổ độ chúng sanh, mà Ngài lại an ổn tại tư gia nên Ngài bức tức vì Đạo vì Thầy mà lo họ ngăn trở bước đường hành Đạo.

Thiết tưởng, người có đủ đức tin nơi Chí Tôn, thì dầu có sản nghiệp triệu phú cũng không thể ngồi an hưởng riêng cho được. Huống chi Đức Cao Thượng Phẩm là môn đệ tin Đức Chí Tôn Đức Phật Mẫu đầu tiên.

Khi Đức Chí Tôn giáng trần khai Đạo, cũng giáng huyền diệu cơ bút thân môn đệ, dạy thờ Thiên Nhân trước hết cũng tại nhà Ngài (tức sau khi quan sát cách thờ phượng nhà ông Ngô Văn Chiêu), nên lòng thành kính Đạo thật

đầy đủ. Các Đấng Thiêng Liêng giáng cơ dạy Đạo, thì Đức Cao Thượng Phẩm cùng Đức Hộ Pháp phò loan. Hai Ngài lãnh hội giáo lý nhiều hơn hết.

Đến khi gặp cơn khảo đảo, bị nhơn sanh bạc đãi buộc phải lui về tư gia, thì dầu đủ nghị lực tinh thần cũng phải buồn lòng thất chí, nên lâm bệnh lương y khó phương điều trị” (Theo Đạo sử xây bàn của Bà Nguyễn Đầu Sư).

Vì lẽ ấy mà Hội Thánh lập một Tịnh Thất nơi cụm rừng gần Báo Ân Từ ngày nay, để rước Đức Ngài về tịnh luyện hầu di dưỡng tinh thần qua cơn khảo đảo. Bấy giờ sáng ngày 15/10/Mậu Thìn (1928) một đoàn xe hơi gồm chư chức sắc Đại Thiên phong đến Thảo Xá rước Đức Ngài về nhập Tịnh Thất.

Vào tịnh thất một thời gian, bệnh trạng không thuyên giảm lại biếng ăn, mất ngủ. Thế nên 18 giờ ngày 26 tháng 12 năm đó, bà Giáo sư Hương Hiếu và Giáo Hữu Thượng Trí Thanh kêu một cỗ xe ngựa đưa Ngài trở lại Thảo xá Hiền cung, vì Ngài không muốn cho Hội Thánh hay.

Đến 11 giờ ngày 1-3 Kỷ Tỵ (1929) Đức Ngài cho mời Đức Phạm Hộ Pháp, Ngài Bảo Văn Pháp Quân Cao Quỳnh Diêu (tức bào huynh của Ngài), Bà Giáo sư Hương Hiếu, Giáo hữu Thiện Trí Thanh, Giáo hữu Thượng Kỳ Thanh, Lễ sanh Thượng Ngươn Thanh, Đức Ngài nhìn Đức Phạm Hộ Pháp mà trối rằng:

-Nay Qua về châu Đức Chí Tôn, em ở lại hiệp với chư chức sắc chung lo nền Đạo của Thầy cho được vẹn toàn mọi sự.

Kế day qua nói với người bạn đời của Ngài :

-Anh dầu có nhắm mắt thì sự mất cũng như sự còn.

Đức Ngài nói xong tuôn hai hàng nước mắt rồi xuất hồn êm ái, nét mặt cũng như người đang ngủ. Có điều lạ thường là lời trời của Ngài có hàng có chấm cũng như lúc mạnh khỏe. Chư chức sắc có mặt đều cúi đầu cảm động.

Chương V
ĐẮC VỊ KIM TIÊN
(1-3- Kỷ Ty)

Thi thể của Đức Ngài được liệm trong liên đài hình bát quái, quàng tại Thảo xá trong ba ngày. Chư chức sắc và đạo hữu nam nữ đến tế lễ rất đông.

Trong lúc tang lễ, chư chức sắc Hiệp Thiên Đài cầu cơ, Đức Ngài giáng đàn tỏ vẻ vui mừng, được bá mạng Đức Chí Tôn nơi Bạch Ngọc Kinh và Đức Phật Mẫu nơi Diêu Trì Cung. Thiên đình đã nhận công tròn quả mãn trong buổi đầu khai nguyên của nền Đại Đạo của Ngài.

Đức Ngài cho một bài thi tứ tuyệt.

THI

CAO thanh miệng thế mặc chê khen,
THƯỢNG trí màn chi tiếng thấp hèn,
PHẨM cũ ngôi xưa dầu rõ giá,
Từ bi tập tánh được thường quen.

Ngày 3-3-Kỷ Ty (1929), Hội Thánh rước liên đài Đức Ngài về Tòa Thánh, đông đủ chư chức sắc từ Đức Hộ Pháp, Thượng Sanh, chư vị Thập Nhị Thời Quân đến

chức việc đạo hữu đi thỉnh vong dài đặc. Thuyền bát nhã đến Đền Thánh mà đoạn chót còn ở Thảo xá đường dài trên 4 cây số.

Đến ngày 8 lúc 8 giờ thì đi lên đài nhập bửu tháp. Đại diện chức sắc Hiệp Thiên Đài đọc ai điếu, đến Ngài Thượng Đâu Sư Cửu Trùng Đài trạng tử công nghiệp, sau hết là điếu văn tỏ lòng cảm mến của Bà Chánh Phối Sư Lâm Hương Thanh, đại diện Nữ phái.

Khi liên đài ra bửu tháp, Đức Ngài có giáng cho hai bài thi mà ngay nay dùng để thày dâng lễ.

THI

Xử áo trần hoàn đã rảnh tay,
Thung dung nhờ núp bóng Cao Đài,
Rừng tòng nhứt rọi khi mờ tỏ,
Sớm lạt trăng lồng kẻ tỉnh say.
Phi thị mặc đời nơi quán tục,
An nhàn rảnh dạ khách thiên thai.
Ngậm cười nêu quạt chờ sanh chúng,
Biển khổ ngày qua đếm một ngày.

Ngảnh lại mà đau cảnh đoạn tràng,
Cõi Thiêng mừng đặng dứt dây oan.
Nợ trần đã phủi lòng son sắt,
Ngôi vị nay vinh nghĩa đá vàng.
Cối tẩm chơn thành lòa nhứt nguyệt.
Phơi gan chí sĩ nhuộm giang san.
Bốn mươi hai tuổi sanh chưa phi,
Để mắt xanh coi nước khải hoàn.

Vào đêm 7-3-Kỷ Ty (16-4-1929) Đức Chí Tôn giáng cơ

dạy :

“Thầy đã nói rõ: Thượng Phẩm phải về Thầy trước các con, nhưng hại thay, vì biếng nhác, các con không đọc Thánh ngôn của Thầy mà kiếm hiểu.

Đạo vốn vô vi, nếu Thượng Phẩm không trở lại Thiên liêng chi vị, thì ai đem các chơn hồn các con vào cửa Thiên giùm đó con. Lại nữa các con vốn là kẻ dẫn đường cho cả chúng sanh, thay mặt cho Thầy nơi thế này về phần đời còn phần Đạo cũng có đôi đứa con mới đặng.

Con đừng phiền mà trách mấy anh con, nhứt là đừng nói rằng : Chúng nó giết Thượng Phẩm nghe. Vì Thiên cơ đã định, các con biết chi mà hờn trách lẫn nhau.

Con phải xây cái tháp của Thượng Phẩm phía trước cây ba nhánh, phải day mặt về đông, giống như ngó vào điện mà hầu Thầy vậy. Song ba từng phải lợp ngói như nóc chùa của Đường như vậy.

Đừng làm như tháp của Bảo Đạo, vì hai đức phẩm vị khác nhau. Chung quanh Bát Quái Đài phải làm như hình có cột tại chính giữa tháp phải có lỗ cho nhựt quang rọi vào tới liên đài”.

Xem thế việc qui thiên của Đức Ngài là thiên thơ dĩ định. Tuy hành Đạo ngắn ngủi có 4 năm nhưng công nghiệp Đức Ngài đáng nêu vào Đạo sử cho người sau noi dấu.

1/- Nhà Đức Ngài là nơi phát tích xây bàn để tiếp nhận những thiên điệp đầu tiên của Bạch Ngọc Kinh. Thế nên, vào đêm 25-12-1925 Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế phán rằng : “Nhà này (nhà Ngài) sẽ đầy ơn Ta, giờ ngày gần đến đời linh. Ta sẽ làm cho thấy huyền diệu đặng kính mến Ta hơn nữa”.

Lễ Hội Yến đầu tiên, lập đàn cầu đạo, giai đoạn xây bàn cũng ở tại nhà Đức Ngài.

2/- Đức Ngài phế thân hành Đạo trước nhứt và vững niềm tin hơn cả. Chính Đức Phạm Hộ Pháp đã thổ lộ trong bài thuyết Đạo đêm 17-8-Quý Tỵ như vậy : “Bần Đạo không có đức tin gì hết, nghe nói Tiên giáng đi theo nghe thi chơi”. Còn Đức Cao Thượng Sanh thường ít đi hầu đàn vì không tin. Một hôm xây bàn, Ngài Cao Quỳnh Diêu thưa với chơn linh cụ Cao Hoài Ân (thân sinh Ngài Cao Hoài Sang) rằng : “Anh đề thi mà khuyên dạy nó (ông Diêu là chú ông Sang) và lấy vận voi, mò, còi, roi, thoi của bài Tứ Thư qui Tàu mà họa lại”. Chơn linh cụ Ân cho thi:

THI

Thuyền khơi gió ngược khá nường voi,
Vận thối hầu nên đã thấy mò.
Vườn cúc hôm nay muôn cụm nở,
Rừng tùng buổi trước một cây còi.
Hồng nường dậm gió chi sồn cánh,
Ngựa ruỗi đường hòa khá nhọc roi.
Nín nằm chờ qua cơn bỉ cực
Thìn lòng chứng có lượn đôi thoi.

3/- Kiểu mẫu áo mào đầu tiên làm tại nhà Đức Ngài do bà Nữ Đầu sư Hương Hiếu (bạn đời của Ngài) cất may.

4/- Đức Quyền Giáo Tông Lê Văn Trung cũng nhập môn theo Đạo tại nhà Ngài vào 11-1-1926.

5/- Đức Chí Tôn mượn đôi tay của Ngài chấp nhang để trực thân của Ngài Phạm Công Tắc ra để chơn linh Hộ Pháp nhập vào đêm 13/5/Bính Dần tại nhà Ngài Lê Văn Trung.

6/- Cất Tòa Thánh (tạm) đầu tiên bằng tranh, di cốt Phật Tổ và an vị nơi Đại Đồng Xã.

7/- Bàn tay Đức Ngài đã dựng các cơ chế Đạo, Đức Ngài qui là cơ Phong Thánh đã gãy.

“Cái cơ Phong Thánh, cơ lập thánh cơ truyền giáo Ngài đã đem theo, nên ngày giờ này, chẳng có cơ Phong Thánh thì Ngài cậy mượn Cao Tiếp Đạo nâng loan có Ngài trợ lực, chớ cậy cơ Phong Thánh hiển nhiên giờ phút này không còn. Cái tiếc của Bản Đạo có hay chăng là ở điều đó”. (Theo lời thuyết minh của Đức Phạm Hộ Pháp ngày 1-3-Canh Ngọ, 1930).

Trong bài ai điếu của Đức Hộ Pháp đọc trong buổi chung qui của Đức Cao Thượng Phẩm đã nói lên tấm lòng thương tiếc ấy qua bài thi.

THI

Thượng Phẩm ôi, hỡi anh ôi
Chưa xong trách nhiệm vội về Trời
Bốn năm công quả vun nền Đạo
Mấy đoạn chông gai chịu nước đời
Ngọn bút Thần cơ Trời nở đoạn
Năm xương Thánh chất lấp chôn vùi
Mực hòa huyết lệ đề câu điếu,
Thượng Phẩm ôi, hỡi anh ôi.

8/- Nhìn tượng Bát Tiên, ta thấy có một vị cầm Long Tu Phiến (quạt) đó là Hồn Chung Ly nguơn linh của Đức Cao Thượng Phẩm . Đức Hộ Pháp giải thích tại sao thờ Đức Cao Thượng Phẩm tại Báo Ân Từ như sau :

“Nguyên căn của Hồn Võ Đế là Hồn Chung Ly giáng sanh thành lập quốc gia. Kỳ Hạ nguơn này, Đức Cao

Thượng Phẩm cũng là chơn linh của Hồn Chung Ly tái thế lập thành quốc Đạo nên tạc hình Đức Cao Thượng Phẩm thuận hơn”.

Đến năm 1945 Đức Ngài có giáng cho một bài thơ ý tứ súc tích :

Đường mây sẵn lối gặp may duyên,
Nặng gánh xa thơ sửa mối giềng
Anh tuấn đất gìn nung khí phách,
Uy linh trời giữ tạc đài liên.
Hồn về nước cũ đời nường thế
Hạc lại tùng xưa đức lập quyền.
Đảnh Việt chờ qua cơn bão tố
Muôn năm tỏ rạng mối chơn truyền.

HẾT